

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 18-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát Viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị V, sinh năm: 1979. Địa chỉ: 334/5 Y, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Anh C, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 56 đường số 24 B, khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông S, sinh năm: 1968

Bà B, sinh năm: 1961

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại dịch vụ A; địa chỉ: Lô A9, CCN X, Ấp 5, xã X, Huyện M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Q, chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người được ông Q ủy quyền:

1. Chị L, sinh năm 1970; chức vụ: Thủ kho; địa chỉ 81D ấp 6, xã X, Huyện M, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 18-5-2019 (có đơn xin vắng mặt).

2. Chị U, sinh năm: 1988; chức vụ: Kế toán vật tư; địa chỉ: 142/2 ấp 5 xã X, Huyện M, thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 18-5-2019 (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2018 của nguyên đơn chị V và các biên bản làm việc của đại diện nguyên đơn anh C trình bày: Chị V và vợ chồng ông S bà B không bà con chỉ quen biết thông qua việc mua bán củi cao su.

Năm 2016, chị V với ông S, bà B chỉ thỏa thuận miệng mua bán củi với nhau, không lập thành văn bản. Chị V mua củi của ông S về bán lại cho các công ty có nhu cầu sử dụng củi, trong đó có công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất Thương mại dịch vụ A (sau đây viết tắt là Công ty). Chị V giao cho ông S danh sách và địa chỉ công ty cho ông S giao củi. Sau khi ông S giao củi cho công ty xong, ông S không tính toán tiền với công ty mà chỉ tính toán tiền với chị V. Chị V sẽ tính toán tiền trực tiếp với công ty.

Từ tháng 8-2016, hai bên thống nhất thay đổi hình thức thanh toán tiền mua bán củi cụ thể: Ông S, bà B yêu cầu được ứng tiền trước, giao củi sau. Sau khi ông S giao củi cho công ty A thì nhân viên công ty xác nhận số lượng và số tiền rồi báo cho chị V, chị V sẽ tính tiền với ông S và khấu trừ vào số tiền ông S bà B đã ứng trước đó.

Việc chị V chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng Sacombank của bà B, chị V còn giữ giấy tờ gốc và việc khấu trừ tiền sau khi ông S giao củi, thể hiện trong sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và sổ giao dịch hoàn tất.

Ngày 31-3-2017, chị V chuyển vào tài khoản của bà B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, để mua 100 (một trăm) tấn củi. Ông S hẹn trong thời hạn 07 (bảy) ngày sẽ giao củi cho chị V. Sau khi nhận tiền, ông S không giao củi như đã hẹn. Chị V nhiều lần gọi điện, ông S nói không có củi nên xin hẹn với chị V sẽ giao củi sau, nhưng vẫn không thực hiện và cũng không trả tiền cho chị V. Ngày 31-5-2018, ông S chuyển khoản gửi trả cho chị V số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng thì ngưng không trả tiền nữa.

Nay đại diện nguyên đơn xác định không mua củi nữa, yêu cầu ông S bà B có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị V số tiền ứng mua củi còn lại là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, ông S bà B còn nợ chị V khoản tiền nào khác hay không, không biết.

Đại diện nguyên đơn không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông S trình bày: Ông là chồng bà B, chị V không bà con chỉ quen biết qua việc mua bán củi. Ông S xác định trong năm 2016 đến cuối năm 2017 hai bên có mua bán củi với nhau, chỉ liên lạc điện thoại, không lập thành văn

bán. Hình thức mua bán củi là ông S chở củi giao cho các công ty như đại diện nguyên đơn trình bày nêu trên là đúng.

Năm 2016, hai bên thỏa thuận ông giao củi cho công ty xong, chị V sẽ thanh toán tiền sau căn cứ vào phiếu nhập kho mà công ty giao cho ông, ông giao lại các phiếu nhập kho này cho chị V, hai bên tính toán tiền.

Năm 2017, hai bên thay đổi hình thức thanh toán tiền mua bán củi cụ thể: Ông xin ứng tiền của chị V trước, giao củi sau. Ông giao củi cho công ty xong, ông đem các phiếu nhập kho (mà công ty giao cho ông) về giao cho chị V. Sau đó, hai bên cùng thanh toán tiền trên các phiếu nhập kho này và khấu trừ vào số tiền mà ông đã ứng trước đó của chị V (do chị V chuyển khoản vào tài khoản của vợ ông là bà B).

Ngày 31-3-2017 ông S xác định có nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng do chị V chuyển vào tài khoản của bà B để mua 100 (một trăm) tấn củi. Sau khi nhận tiền, ông có giao 03 (ba) chuyến củi cho chị V cụ thể: Giao củi thể hiện trên 03 (ba) phiếu nhập kho ghi ngày 28-4-2017 giao 15.830 kg củi cao su; ngày 18-5-2017 giao 19.820 kg củi cao su; và ngày 30-8-2017 giao 12.670 kg; nội dung thể hiện trên 03 (ba) phiếu nhập kho xác định ông là người giao hàng ký và ghi tên S, thủ kho của công ty nhận hàng là chị L ký và ghi tên L. Tổng số củi giao cho công ty trong 03 (ba) ngày tính thành tiền là 48.320 kg củi x 1.000.000 đồng/tấn = 48.320.000 (bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng.

Ông S xác định, ông đã giao củi cho công ty 03 (ba) chuyến củi thành tiền là 48.320.000 (bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng, ông tính số tròn là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng nhưng chị V chưa thanh toán tiền cho ông. Ông yêu cầu chị V khấu trừ 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng vào số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, còn nợ lại 52.000.000 (năm mươi hai triệu) đồng.

Ngày 31-5-2018, bà B vợ ông đã chuyển trả cho chị V số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng vào tài khoản của chị V, mục đích chuyển trả bớt số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà trước đây ông bà đã ứng tiền của chị V.

Nay ông xác định còn nợ chị V số tiền 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng. Ông đồng ý trả cho chị V số tiền này, không đồng ý trả số tiền 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn.

Ngoài ra vợ chồng ông không còn nợ chị V khoản tiền nào khác.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Xác định 03 (ba) phiếu nhập kho ghi ngày 28-4-2017 giao 15.830 kg củi cao su, 18-5-2017 giao 19.820 kg củi cao su và 30-8-2017 giao 12.670 kg do ông S cung cấp cho Tòa không phải ông S giao củi cho công ty mà do người khác giao củi, do đó 03 (ba) phiếu này là không hợp lệ.

Lý do không hợp lệ là do công ty báo cho chị V được biết là: Ông S đến công ty mượn quyển sổ ghi chép số hàng nhập kho (sổ gốc) để xem ông S chở bao nhiêu chuyến củi giao cho công ty. Chị L là thủ kho của công ty do quen biết ông S nên tin tưởng giao cho ông S mượn quyển sổ nhập kho được lưu tại công ty. Lúc này do có nhiều xe chở hàng vào công ty, chị L bận kiểm tra hàng, ông S xem sổ xong và trả sổ ra về. Sau khi ông S về, chị L kiểm tra lại sổ thì phát hiện 03 (ba) phiếu nhập kho nêu trên (03 phiếu này chỗ người giao hàng

không ký và ghi tên người giao hàng gì cả, để trống) bị ông S xé và lấy đem về. Sau đó, ông S tự ký và ghi tên vào chỗ người giao hàng và đem 03 (ba) phiếu nhập kho nêu trên nộp cho Tòa án và cho rằng chị V chưa thanh toán số tiền trên 03 (ba) phiếu nhập kho cho ông S là không đúng. Chị V yêu cầu Tòa án xác minh tại công ty về 03 (ba) phiếu nhập kho mà ông S giao nộp cho tòa để xác định ông S có phải là người giao củi cho công ty trong 03 ngày nêu trên hay không.

Đại diện nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Bị đơn bà B trình bày: Bà là vợ ông S, chị V không bà con chỉ quen biết qua việc mua bán củi. Bà có biết việc mua bán củi giữa chị V với ông S nhưng ông S là người trực tiếp thỏa thuận giao dịch miệng với chị V. Hai bên thỏa thuận, chị V mua củi của ông S, ông S chở củi giao cho các công ty, công ty giao phiếu nhận củi cho ông S, ông S đem phiếu này về thanh toán với chị V. Sau khi chị V thanh toán tiền (bằng chuyển khoản) với ông S xong, ông S không còn giữ các phiếu nhận củi vì không còn giá trị.

Ngày 31-3-2017, vợ chồng bà có nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng do chị V chuyển vào tài khoản của bà để mua củi. Việc mua bán củi cụ thể giữa chị V với ông S như thế nào thì bà không biết do ông S không còn bán củi cho chị V cách nay khoảng một năm rồi.

Nay chị V khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà không đồng ý trả tiền cho bà V vì việc mua bán củi giữa ông S với chị V kết thúc đã lâu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị L trình bày: Chị L là thủ kho của công ty, vào khoảng năm 2016 công ty có hợp đồng mua củi của chị V. Hai bên không ký hợp đồng mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Cụ thể: Khi công ty có nhu cầu sử dụng củi thì kế toán của công ty là chị U trực tiếp điện thoại cho chị V. Sau đó, chị V cho tài xế chở củi đến công ty giao. Khi giao củi, chị là thủ kho trực tiếp nhận và cân xe để tính khối lượng củi và khối lượng xe.

Khi có số lượng củi thì công ty sẽ có 02 (hai) phiếu cân xe, 01 phiếu giao cho tài xế để tính tiền với chị V, 01 phiếu giao cho kế toán để đối chiếu với chị V khi tính tiền. Trong phiếu cân xe thể hiện ngày tháng năm cân xe, số xe tải xé, khối lượng hàng, khối lượng xe, người cân, bảo vệ và khách hàng, thường chỗ khách hàng là do chị ký tên. Từ phiếu cân xe này, chị ghi vào phiếu nhập kho.

Trên phiếu nhập kho thể hiện số lượng củi và phiếu nhập kho ghi thành 03 (ba) liên, liên gốc chị giữ, 01 (một) liên giao cho chị V, 01 liên giao cho kế toán để đối chiếu khi chị V đến tính tiền. Vào khoảng tháng 4-2017, chị V có bán củi cho công ty hình thức giao nhận hàng như chị trình bày trên.

Phiếu cân xe ngày 27-4-2017 là do tài xế giao củi vào ban đêm, chị bận nên nhờ chị V là kế toán của công ty nhận giùm. Do chưa có phiếu nhập kho nên chị V cho tài xế ký tên vào chỗ khách hàng và tài xế giao hàng ngày 27-4-2017 tên Giác. Ngày 28-4-2017, chị mới ghi vào phiếu nhập kho trọng lượng trong ngày là 15.830 kg. Tiếp theo ngày 18-5-2017 chị V lại giao tiếp số lượng củi thể hiện trên phiếu cân xe là 19.820 kg; ngày 30-8-2017 giao củi là 12.670 kg, phiếu

nhập kho trong các ngày này không phải tên S, chữ ký S là ký đề lên tên của người khác (liên lưu tại công ty không thể hiện tên và chữ ký ông S).

Khoảng cuối năm 2018, ông S có đến công ty để mượn phiếu nhập kho gốc của những năm cũ. Do ông S là tài xế chở củi của chị V, chở củi giao cho công ty nhiều lần, một phần nghĩ những phiếu nhập kho này công ty và chị V đã thanh toán tiền xong nên chị đồng ý cho ông S mượn cả quyển phiếu nhập kho. Đến đầu năm 2019, chị V có điện thoại hỏi chị xem có cho ông S mượn phiếu nhập kho hay không thì chị mới biết chị V và ông S đang tranh chấp hợp đồng mua bán với nhau. Chị gọi điện cho ông S yêu cầu trả lại quyển phiếu nhập kho nhưng đến nay ông S vẫn chưa trả cho chị.

Chị xác định chữ ký thủ kho trong 03 (ba) phiếu nhập kho các ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017 là chữ của chị. Chữ ký S và ghi tên S thì chị không biết. Các phiếu nhập kho trong các ngày nêu trên bản gốc ông S mượn, còn 01 (một) liên chị V mượn, công ty chỉ giữ 03 (ba) phiếu nhập kho (bản photo) và 03 (ba) phiếu cân xe bản gốc trong các ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017. Việc tranh chấp hợp đồng mua bán giữa chị V với ông S không liên quan đến công ty. Do đó, công ty xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

Chị L không trình bày gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị U trình bày: Chị U là kế toán của công ty, chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị L là thủ kho của công ty là đúng.

Việc mua bán củi giữa công ty với chị V đã thanh toán tiền xong. Các giấy tờ liên quan đến việc mua bán được lưu giữ tại công ty không còn giá trị. Sau khi chị L cho ông S mượn quyển phiếu nhập kho thì chị mới biết chị V và ông S đang tranh chấp hợp đồng mua bán với nhau.

Các phiếu nhập kho trong các ngày nêu trên bản gốc ông S mượn, còn 01 liên chị V mượn, công ty chỉ giữ 03 (ba) phiếu nhập kho bản photo và 03 (ba) phiếu cân xe bản gốc trong các ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017. Việc tranh chấp hợp đồng mua bán giữa chị V với ông S không liên quan đến công ty. Do đó, công ty xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

Chị U không trình bày gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Tại Tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị V đối với ông S và bà B về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Ông S, bà B có nghĩa vụ trả cho chị V số tiền ứng mua củi còn nợ là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận: Chị V không yêu cầu tính lãi suất.

2. Án phí: Ông S, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng*: Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu ông S bà B hoàn trả số tiền ứng mua củi còn nợ là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng mua bán” theo Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định pháp luật nhưng họ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 (ba) năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Ngày 31-3-2017, chị V chuyển khoản số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho ông S bà B để mua 100 (một trăm) tấn củi. Ông S bà B nhận tiền xong nhưng không giao củi cho chị. Ngày 24-9-2018, chị V có đơn khởi kiện yêu cầu ông S bà B trả lại số tiền nêu trên nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] *Về nội dung*: Ngày 31-3-2017, chị V chuyển tiền vào tài khoản của ông S bà B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, để mua 100 tấn củi và ông S hẹn trong thời hạn 07 (bảy) ngày sẽ giao củi cho chị V. Sau khi nhận tiền, ông S không giao củi như đã hẹn. Chị V nhiều lần gọi điện, ông S nói không có củi nên xin hẹn và cũng không trả tiền cho chị V. Ngày 31-5-2018, ông S chuyển khoản gửi trả cho chị V số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng thì ngưng không trả tiền và cũng không giao củi. Chị V yêu cầu ông S bà B có trách nhiệm liên đới trả cho chị V số tiền ứng mua củi còn lại là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng.

Xét yêu cầu của Chị V yêu cầu ông S bà B có trách nhiệm trả cho chị số tiền ứng mua củi còn nợ là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết chị V cung cấp cho Tòa án phiếu chuyển tiền ngày 31-3-2017, chuyển vào tài khoản của bà B số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng; đồng thời chị có nhận số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng do ông S bà B chuyển trả bớt trong số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Mặt khác, quá trình giải quyết ông S bà B cũng thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng do chị V chuyển; đồng thời ông S bà B có chuyển trả số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng cho chị V là có thật. Vì vậy, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V đối với ông S bà B là có cơ sở phù hợp pháp luật.

Quá trình giải quyết và tại Tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[3] Đối với việc ông S cho rằng ông đã giao 03 (ba) chuyến củi cho công ty thể hiện trên 03 (ba) phiếu nhập kho ghi ngày 28-4-2017 giao 15.830 kg củi cao su; ngày 18-5-2017 giao 19.820 kg củi cao su; và ngày 30-8-2017 giao 12.670 kg. Tổng số củi giao cho công ty trong 03 (ba) ngày tính thành tiền là 48.320 kg củi x 1.000.000 đồng/tấn = 48.320.000 (bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng, ông tính số tròn là 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng nhưng chị V chưa thanh toán tiền cho ông. Ông yêu cầu chị V khấu trừ 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đồng vào số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà ông S bà B đã ứng trước đó.

Xét việc khai nại của ông S là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, quá trình giải quyết ông S chỉ cung cấp cho Tòa 03 (ba) phiếu nhập kho (bản gốc) nhưng không cung cấp 03 (ba) phiếu cân xe để chứng minh các ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017 chính ông là người giao củi cho công ty.

Mặc khác quá trình làm việc đại diện công ty xác định: Công ty trực tiếp mua bán củi với chị V nên giao phiếu nhập kho cho chị V; không mua bán củi với ông S nên không giao phiếu nhập kho cho ông S. Khi tài xế chị V giao củi cho công ty, thủ kho cân củi xong sẽ xuất 02 (hai) phiếu cân xe: Phiếu thứ 1 công ty lưu giữ, phiếu thứ 2 giao cho tài xế giữ để tính tiền với chị V.

Các phiếu nhập kho trong ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017 mà ông S nộp cho Tòa, không phải tên S là người giao hàng, chữ ký S là ký đè lên tên của người khác (liên lưu tại công ty không thể hiện tên và chữ ký ông S). Tài xế giao củi trong 03 ngày không phải ông S giao, mà là tài xế tên Phong và Giác giao vì công ty có lưu biển số xe của tài xế (bút lục số 106).

Việc ông S có 03 (ba) phiếu nhập kho ghi ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017 (bản gốc) nộp cho Tòa là do ông S đến công ty hỏi mượn quyển sổ nhập kho được lưu tại công ty. Ông S xem xong lấy về chưa trả lại cho công ty. Công ty còn lưu giữ 03 (ba) phiếu cân xe và 03 (ba) phiếu nhập kho (liên 3) nhưng đã cho chị V mượn nộp cho Tòa.

Xét lời trình bày của đại diện công ty phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định 03 (ba) phiếu nhập kho ngày 28-4-2017, ngày 18-5-2017 và ngày 30-8-2017 do ông S cung cấp cho Tòa là không hợp lệ, không giá trị. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc khai nại của ông S.

[4] Tại Tòa, đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Ông S, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 429, Điều 430 Bộ luật Dân sự; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V đối với ông S và bà B về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Buộc ông S và bà B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị V số tiền ứng mua cũi còn nợ là 96.000.000 (chín mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận: Chị V không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí: Ông S và bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.800.000 (bốn triệu tám trăm ngàn) đồng.

Chị V không phải chịu án phí.

Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị V số tiền 2.837.500 (hai triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu số 0008330 ngày 08-10-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.D;
- CCTHA H.D;
- Đường sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Hiền

